



CHỌN **THÔNG MINH**, CHỌN **BẢN LĨNH**



INNOVA CROSS
HOÀN TOÀN MỚI

DIỆN MẠO MẠNH MẼ CUỐN HÚT



ĐẦU XE

(Phiên bản Hybrid)

Thiết kế đầu xe gồm lưới tản nhiệt lục giác nổi liền với đèn LED hai bên giúp xe thể thao, mạnh mẽ.

Phía dưới là dải lưới tản nhiệt tích hợp đèn LED báo rẽ - điểm nổi bật trong thiết kế mang lại cảm giác hiện đại, mới mẻ.

THÂN XE

Thiết kế mới với chiều dài vượt trội tạo không gian ngồi thoải mái cho hành khách. Phần thân xe với các đường gân dập nổi giúp xe nổi bật và bề thế hơn.



CỤM ĐÈN TRƯỚC

(Phiên bản Hybrid)

Hệ thống đèn sử dụng công nghệ LED chiếu sáng tối ưu, thiết kế đèn báo rẽ tách biệt tạo diện mạo mới hài hòa hơn.

CỤM ĐÈN SAU

(Phiên bản Hybrid)

Thiết kế dải LED mỏng kéo dài theo chiều ngang cho tổng thể sắc nét và thu hút.

MÂM XE

(Phiên bản Hybrid)

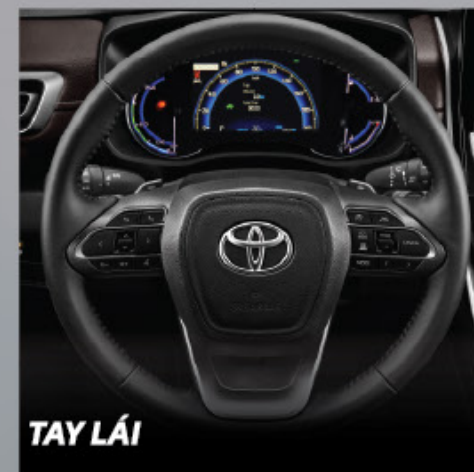
Mâm xe hợp kim mạ bạc 5 chấu bắt mắt, kích thước 18 inch giúp xe nổi bật hơn trên mọi hành trình.

*Mâm xe 17 inch trên phiên bản Gas

ĐUÔI XE

Đuôi xe nổi bật nhờ bề mặt bắt sáng cùng thiết kế hình thang khỏe khoắn tạo dáng vẻ sang trọng và thể thao.

KHÔNG GIAN RỘNG VƯỢT TẦM PHÂN KHÚC



TAY LÁI

Vô lăng được thiết kế 3 chấu bọc da, mạ bạc cao cấp tích hợp các nút bấm tiện lợi cho thao tác mượt mà hơn.



MÀN HÌNH HIỂN THỊ

Thiết kế màn hình với chế độ hiển thị trực quan, rõ nét các thông số cần thiết hỗ trợ người lái vận hành trơn tru.



CỬA SỔ TRỜI TOÀN CẢNH
(Phiên bản Hybrid)

Tạo không gian mở cho hành khách được hòa mình với thiên nhiên trong mỗi chuyến đi.



ĐÈN TRANG TRÍ KHOANG LÁI

Giúp hỗ trợ tầm nhìn trong điều kiện ánh sáng yếu, tăng sự thư thái cho hành khách trên xe như ở nhà.



GHẾ LÁI

Ghế lái chỉnh điện 8 hướng giúp linh hoạt chỉnh vị trí ngồi phù hợp với cơ thể, tiện lợi khi sử dụng, tránh căng thẳng khi ngồi trong thời gian dài.



KHOANG HÀNH KHÁCH

Khoảng cách hai hàng ghế rộng rãi kết hợp với mặt sàn phẳng giúp hành khách thoải mái và thư giãn trong những chuyến đi xa.



KHOANG HÀNH LÝ

Khoang hành lý rộng rãi hàng đầu phân khúc với thiết kế linh hoạt và tiện dụng, giúp dễ dàng điều chỉnh không gian theo ý muốn.



KẾT CẤU BỌC GHẾ & MÀU SẮC

Ghế bọc da màu nâu đen cao cấp cùng họa tiết dập nổi, thiết kế cứng cáp ôm lấy thân hành khách mang đến sự êm ái khi ngồi.



TIỆN NGHI NGẬP TRÀN



PHANH TAY ĐIỆN TỬ

Thiết kế kết hợp với phanh đĩa sau giữ xe không chuyển động khi dừng chờ, giúp giảm thao tác cho người lái.



LẦY CHUYỂN SỐ

Bố trí ngay sau vô lăng, giúp người lái thao tác tăng giảm số dễ dàng, nhanh chóng và an toàn.



CHẾ ĐỘ EV MỚI + ECO & POWER

(Phiên bản Hybrid)

Tùy vào lộ trình di chuyển mà người lái lựa chọn chế độ phù hợp với 3 chế độ lái gồm: Eco, Power và EV.



MÀN HÌNH GIẢI TRÍ

Màn hình lên đến 10.1 inch với khả năng kết nối điện thoại thông minh không dây mang lại sự tiện nghi hàng đầu.



CHẾ ĐỘ SOFA

(Phiên bản Gas)

Khả năng gập linh hoạt nâng tầm trải nghiệm, mang đến sự dễ chịu tối ưu.



GHẾ THƯƠNG GIA

(Phiên bản Hybrid)

Thiết kế ghế độc lập chỉnh điện 4 hướng, đệm đỡ chân cùng tựa tay cho cảm giác sang trọng và sự thoải mái tối đa.



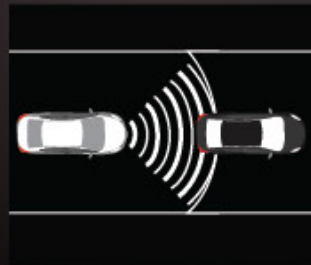
Cảnh báo tiền va chạm (PCS)

Là hệ thống an toàn chủ động, khi phát hiện va chạm có thể xảy ra với phương tiện khác, hệ thống sẽ cảnh báo người lái đồng thời kích hoạt phanh hỗ trợ khi người lái đạp phanh hoặc tự động phanh khi người lái không đạp phanh.



Cảnh báo lệch làn đường (LDA) & Hỗ trợ giữ làn đường (LTA)

Hệ thống cảnh báo người lái bằng chuông báo và đèn cảnh báo khi xe bắt đầu rời khỏi làn đường mà không bắt tín hiệu rẽ từ người lái. Hệ thống cũng có thể kích hoạt hỗ trợ lái để điều chỉnh bánh lái và ngăn không cho xe khỏi làn đường.



Điều khiển hành trình chủ động (DRCC)

Là công nghệ an toàn chủ động sử dụng radar gắn dưới lưới tản nhiệt phía trước cùng với camera để phát hiện các phương tiện phía trước. Đồng thời tự động điều chỉnh tốc độ để đảm bảo khoảng cách an toàn với các phương tiện đang lưu thông.



Đèn chiếu xa tự động (AHB)

Là hệ thống an toàn chủ động giúp cải thiện tầm nhìn của người lái vào ban đêm. Hệ thống có thể tự động chuyển từ chế độ chiếu xa sang chế độ gần khi phát hiện các xe đi ngược chiều, xe đi phía trước và tự động trở về chế độ chiếu xa khi không còn xe đi ngược chiều và xe phía trước.



Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)

Cảnh báo cho người lái khi có xe di chuyển trong vùng mù (vị trí không quan sát được qua gương chiếu hậu ngoài xe) giúp xe vận hành an toàn hơn đặc biệt khi chuyển làn.



Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)

Khi lùi xe từ vị trí đỗ, hệ thống sẽ phát hiện các xe di chuyển đến gần từ phía sau và còi báo hiệu sẽ kêu để cảnh báo hỗ trợ người lái lùi xe an toàn.



Camera toàn cảnh

Hỗ trợ người lái điều khiển xe an toàn thông qua việc quan sát rõ các chướng ngại vật, từ đó tránh được những va chạm không đáng có khi di chuyển hoặc đỗ xe trong khu vực hẹp.



Túi khí

Hệ thống 6 túi khí giúp bảo vệ người lái và các hành khách trên xe trong trường hợp xảy ra va chạm có thể gây nguy hiểm.

KHẢ NĂNG VẬN HÀNH BỀN BỈ

Chinh phục những mục tiêu xa



ĐỘNG CƠ (Phiên bản Hybrid)

Động cơ M20A-FXS hoàn toàn mới vận hành mạnh mẽ và hiệu quả hơn.



CÔNG NGHỆ HYBRID

Tiết kiệm tối đa nhiên liệu, vận hành êm ái, giảm phát thải và khả năng tăng tốc hưng khởi.

TNGA Toyota New Global Architecture

ĐỊNH HƯỚNG THIẾT KẾ TOÀN CẦU MỚI

Thiết kế cấu trúc khung gầm, củng cố nền tảng cốt lõi mang lại khả năng vận hành tuyệt vời cho khách hàng.

Toyota Safety Sense

CÔNG NGHỆ AN TOÀN TIÊN TIẾN

PHỤ KIỆN

ĐIỆN TỬ



Camera hành trình trước



Đá ốp

NỘI THẤT



Ốp bậc lên xuống



Khay hành lý



Ốp chống trầy ốp sau

TIỆN ÍCH



Phim dán kính



Tựa lưng ghế



Bơm lốp điện tử



Phim dán chống nước kính chiếu hậu ngoài

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT/ SPECIFICATION				Phiên bản Hybrid	Phiên bản Xăng
KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG/ DIMENSION - WEIGHT					
Kích thước tổng thể/ Overall Dimension		D x R x C / L x W x H	mm x mm x mm	4755 x 1850 x 1790	4755 x 1845 x 1790
Chiều dài cơ sở/ Wheelbase			mm	2850	2850
Khoảng sáng gầm xe/ Ground clearance			mm	167	170
Số chỗ ngồi/ Seating capacity			seats	7	8
Bán kính vòng quay tối thiểu/ Minimum turning radius			m	5,67	5,67
Dung tích bình nhiên liệu/ Fuel tank capacity			L	52	52
ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH/ ENGINE - PERFORMANCE					
Động cơ/ Engine	Loại/ Type			Động cơ M20A-FXS/ Engine M20A-FXS	Động cơ M20A-FKS/ Engine M20A-FKS
	Dung tích xy lanh/ Displacement	cc		1987	1987
	Công suất tối đa/ Max output	(kw/hp@rpm)		(112) 150 @6000	(128) 172 @6000
	Mô men xoắn tối đa/ Max torque	Nm@rpm		188@4400-5200	205@4500-4900
Chế độ lái (công suất cao/ tiết kiệm nhiên liệu)/ Drive mode (Power/ Eco/ Normal)				Power/ Eco/ Normal	Eco/ Normal
Hệ thống truyền động/ Drivetrain				Dẫn động cầu trước/ FWD	Dẫn động cầu trước/ FWD
Hộp số/ Transmission type				Số tự động vô cấp/ CVT	Số tự động vô cấp/ CVT
Hệ thống treo/ Suspension		Trước/ Front		Treo độc lập/ McPherson	Treo độc lập/ McPherson
		Sau/ Rear		Thanh dầm xoắn/ Torsion beam	Thanh dầm xoắn/ Torsion beam
Vành & Lốp xe/ Tire & Wheel		Kích thước lốp/ Size		225/50R18	215/60R17
Phanh/ Brake		Trước/ Sau (Front/ Rear)		Đĩa/ Disc	Đĩa/ Disc
		Trong đô thị/ Urban	L/100km	4,35	8,7
		Ngoài đô thị/ Ex-urban	L/100km	5,26	6,3
		Kết hợp/ Combine	L/100km	4,92	7,2
NGOẠI THẤT/ EXTERIOR					
Cụm đèn trước/ Headlamp	Đèn chiếu gần/ Lo-beam			LED	LED
	Đèn chiếu xa/ Hi-beam			LED	LED
	Đèn chiếu sáng ban ngày/ DRL (Daytime running light)			Có/ With	Không có/ Without
	Hệ thống điều khiển đèn tự động/ Auto light control			Có/ With	Có/ With
	Chế độ đèn chờ dẫn đường/ Follow me home			Có/ With	Có/ With
	Hệ thống cân bằng góc chiếu/ Headlamp leveling system			Chính tay/ Manual	Chính tay/ Manual
Cụm đèn sau/ Rear combination lamp				LED	LED
Đèn sương mù/ Fog lamp		Trước/ Front		LED	LED
Gương chiếu hậu ngoài/ Outer mirrors	Chức năng gập điện/ Power fold			Tự động/ Auto	Tự động/ Auto
	Chức năng điều chỉnh điện/ Power adjust			Có/ With	Có/ With
	Tích hợp đèn báo rẽ & Chào mừng/ Turn signal lamp & Welcome lamp			Có/ With	Có/ With
Gạt mưa/ Wiper	Trước/ Front			Gián đoạn, điều chỉnh thời gian/ Intermitent & Time adjustment	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian/ Intermitent & Time adjustment
	Sau/ Rear			Có (gián đoạn)/ With (intermittent)	Có (gián đoạn)/ With (intermittent)
Chức năng sấy kính sau/ Rear glass Defogger				Có/ With	Có/ With
NỘI THẤT/ INTERIOR					
Tay lái/ Steering wheel	Loại tay lái/ Type			3 chấu/ 3 spokes	3 chấu/ 3 spokes
	Chất liệu/ Material			Da/ Leather	Da/ Leather
	Điều chỉnh/ Adjust			Chính tay 4 hướng/ Manual tilt & Telesco	Chính tay 4 hướng/ Manual tilt & Telesco
	Lẫy chuyển số/ Paddle shifter			Có/ With	Có/ With
Gương chiếu hậu trong/ Inner mirror				2 chế độ ngày và đêm + chống chói tự động/ Day & night + Electrochromic	2 chế độ ngày và đêm + chống chói tự động/ Day & night + Electrochromic
Cụm đồng hồ/ Combination meter				Màn hình hiển thị đa thông tin/ MID (Multi information display)	Có (màn hình màu TFT 7.0")/ With (color TFT 7.0")
Cửa sổ trời/ Sun roof & Moon roof				Cửa sổ toàn cảnh/ Panoramic	Không có/ Without

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT/ SPECIFICATION				Phiên bản Hybrid	Phiên bản Xăng
GHẾ/ SEAT					
Chất liệu bọc ghế/ Material				Da/ Leather	Da/ Leather
Ghế trước/ Front	Điều chỉnh ghế lái/ Driver's seat			8 hướng chỉnh điện/ 8 ways power adjuster	8 hướng chỉnh điện/ 8 ways power adjuster
	Điều chỉnh ghế hành khách/ Front passenger's seat			4 hướng/ 4 ways	4 hướng/ 4 ways
Ghế sau/ Rear	Hàng ghế thứ hai/ 2nd-row			Ghế thường gia chỉnh điện 4 hướng, có đệm chỉnh điện 2 hướng, có tựa tay/ Captain seats 4 way power adjustment, with 2 way power ottoman, armrest	Ghế thường gia chỉnh điện 4 hướng, có đệm chỉnh điện 2 hướng, có tựa tay/ Captain seats 4 way power adjustment, with 2 way power ottoman, armrest
	Hàng ghế thứ ba/ 3rd-row			Gấp 50:50/ 50:50 tilt down	Gấp 60:40/ 60:40 Fold
	Tựa tay hàng ghế sau/ Rear armrest			Có khay đựng cốc x2/ With cup holder x2	Có khay đựng cốc x2/ With cup holder x2
TIỆN NGHI/ UTILITIES & COMFORT					
Hệ thống điều hòa/ Air conditioner				Tự động/ Auto	Tự động/ Auto
Cửa gió sau/ Rear air duct				Có/ With	Có/ With
Hệ thống âm thanh/ Audio	Màn hình giải trí đa phương tiện/ Display			Cầm ứng 10.1" 10.1" touch screen	Cầm ứng 10.1" 10.1" touch screen
	Số loa/ Number of speaker			6 loa/ 6 speakers	6 loa/ 6 speakers
	Kết nối điện thoại thông minh không dây/ Smart connect (wireless)			Có/ With	Có/ With
Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm/ Smart key & Push start				Có/ With	Có/ With
Cửa sổ điều chỉnh điện/ Power window				4 cửa (1 chạm, chống kẹt)/ 4 windows (1 touch auto, jam protection)	4 cửa (1 chạm, chống kẹt)/ 4 windows (1 touch auto, jam protection)
Cốp điện/ Power back door				Có/ With	Có/ With
Hệ thống điều khiển hành trình/ Cruise control				Có/ With	Có/ With
Phanh tay điện tử và giữ phanh tự động/ Electric parking brake & Brake hold				Có/ With	Có/ With
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG/ ACTIVE SAFETY					
Hệ thống an toàn Toyota/ Toyota Safety Sense	Cảnh báo lấn và chạm/ PCS			Có/ With	Không có/ Without
	Cảnh báo lệch làn đường/ LDA			Có/ With	Không có/ Without
	Hỗ trợ giữ làn đường/ LTA			Có/ With	Không có/ Without
	Điều khiển hành trình chủ động/ DRCC			Có/ With	Không có/ Without
	Đèn chiếu xa tự động/ AHS			Có/ With	Không có/ Without
Cảm biến áp suất lốp/ TPWS				Có/ With	Có/ With
Hệ thống cảnh báo điểm mù/ BSM				Có/ With	Không có/ Without
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/ RCTA				Có/ With	Không có/ Without
Hệ thống chống bó cứng phanh/ ABS				Có/ With	Có/ With
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp/ BA				Có/ With	Có/ With
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử/ EBD				Có/ With	Có/ With
Hệ thống cân bằng điện tử/ VSC				Có/ With	Có/ With
Hệ thống kiểm soát lực kéo/ TRC				Có/ With	Có/ With
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc/ HAC				Có/ With	Có/ With
Đèn báo phanh khẩn cấp/ EBS				Có/ With	Có/ With
Camera toàn cảnh/ PVM				Có/ With	Có/ With
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe/ Sensor				8	8
AN TOÀN BÈ ĐỘNG/ PASSIVE SAFETY					
Túi khí/ SRS airbag				6	6

*Cung ty 0 Toyota Việt Nam được quyền thay đổi bất kỳ đặc tính nào mà không báo trước. Hình ảnh xe và mặt số đặc tính kỹ thuật trong ấn phẩm này có thể khác so với thực tế. Toyota Motor Vietnam reserves the right to alter any specifications and equipment without prior notice. Vehicle photos and detailed specifications in this print item may vary from the actual ones.

MÀU XE



Trắng ngọc trai 089



Bạc 1D6



Nâu đồng 4V8



Xanh ánh đen 1H2



Đen 218



Move your world

ĐƯỜNG DÂY NÓNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG
CUSTOMER SERVICE HOTLINE

Hotline: 1800.1524
Mobile: 0916 001 524
Email: tmv_cs@toyotavn.com.vn

VAY TỪ TOYOTA - MUA XE TOYOTA



FINANCIAL SERVICES

